

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/10/2021.

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH HẬU GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Cương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Thanh Huỳnh

2. Ông Nguyễn Thanh Phương

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Huế Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn

Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2021/HNGĐ-ST, ngày 23/3/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 11/10/2021, về việc "Xin ly hôn", giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Võ Thị Ánh T, sinh năm: 1994. (Có mặt)

Trú tại: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1992. (Có mặt)

Trú tại: Ấp A, xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Võ Thị Ánh T trình bày:

Chị và anh Th quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố N, Hậu Giang vào năm 2016, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, trong khi chị bệnh thì anh Th là chồng nhưng không quan tâm chăm sóc cho vợ. Mâu thuẫn kéo dài đến tháng 10 năm 2020 thì do chị bị bệnh nên được mẹ ruột

rước về nhà để chăm sóc, cũng từ đó vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Linh Đ (giới tính: Nữ); sinh ngày 24/9/2016 và Nguyễn Thị Tuyết N (giới tính: Nữ) ngày 05/11/2018. Từ ngày được mẹ ruột rước về để điều trị bệnh thì chồng và gia đình chồng không cho chị gặp và thăm nom, chăm sóc 02 con chung. Hiện nay 02 con chung đang sống với anh Th, sau khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 01 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N (giới tính: Nữ) ngày 05/11/2018, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung, chị cũng không phải cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Bị đơn thừa nhận hoàn toàn lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng.

Bị đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng cự cãi và do chị T bị bệnh và mẹ vợ rước về để chăm sóc nên từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bị đơn yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Võ Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn Th; về con chung: Giao cho nguyên đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Tuyết N, giao cho bị đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Linh Đ, không ai phải cấp dưỡng; về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Th tự quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố N, Hậu Giang, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc; sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không tôn trọng lẫn nhau; mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn lại được nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Nhận thấy chị T và anh Th đã không sống chung trong một thời gian, anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và anh chị cũng tự nguyện thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Th .

[3] Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Linh Đ (giới tính: Nữ); sinh ngày 24/9/2016 và Nguyễn Thị Tuyết N (giới tính: Nữ) sinh ngày 05/11/2018. Xét con chung là Nguyễn Thị Linh Đ hiện do bị đơn nuôi dưỡng từ khi nguyên đơn và bị đơn ly thân đến nay, cuộc sống của cháu đã dần ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi cháu Đ của bị đơn. Đối với con chung là Nguyễn Thị Tuyết N hiện chưa đủ 36 tháng tuổi và xét thấy nguyên đơn có đủ điều kiện nuôi con như nguyên đơn được mẹ ruột cho ruộng đất để canh tác có thu nhập ổn định và có sức khỏe tốt, hơn nữa, cháu N là nữ và chưa đủ 36 tháng tuổi nên việc giao cho người mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ tốt hơn. Do đó, căn cứ vào Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi cháu N của nguyên đơn. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho nguyên đơn và bị đơn, không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 55; Điều 56, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Linh Đ (giới tính: Nữ); sinh ngày 24/9/2016 cho bị đơn anh Nguyễn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Giao con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N (giới tính: Nữ) ngày 05/11/2018 cho nguyên đơn chị Võ Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho nguyên đơn và bị đơn không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Võ Thị Ánh T phải nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008183 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP. N;
- CCTHA TP. N;
- UBND xã Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Kim Cương**